

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH
TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày: 25-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nghiêm
2. Bà Trần Thị Hằng Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Phương Uyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lý Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1970

Địa chỉ: số E đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1996; địa chỉ: số A Khu phố B, phường K, tỉnh Tây Ninh đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2025.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1974

Địa chỉ: số H N, phường L, tỉnh Tây Ninh.

(Ông T1, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Nguyên vào ngày 19 tháng 10 năm 2024, bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay của bà số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) thời gian trả lại là 30 ngày kể từ thời điểm mượn tiền. Đến hạn trả tiền theo thỏa thuận là ngày 19/11/2024 nhưng phía bà H không trả cho bà. Bà đã nhiều lần liên hệ bà H đề nghị trả tiền, tuy nhiên bà H không trả và cứ hẹn hết lần này đến lần khác và đến nay đã trễ hẹn hơn 4 tháng.

Vì vậy, nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H trả cho bà số tiền nợ lại theo giấy nhận nợ ngày 19/10/2024 là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

* Bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc H** không có trình bày trong suốt quá trình tố tụng.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Thu T**, buộc bà **Nguyễn Thị Ngọc H** có nghĩa vụ hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Thu T** số tiền vốn vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Bà **Nguyễn Thị Ngọc H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thu T** khởi kiện bị đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc H** có địa chỉ tại **thành phố T, tỉnh Long An** do đó căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý và Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Về xét xử vắng mặt đương sự: Ông **Nguyễn Hữu T1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **Nguyễn Văn T2** là bị đơn trong vụ án đã được cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Thu T** về việc yêu cầu bà **Nguyễn Thị Ngọc H** hoàn trả vốn vay 500.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chứng cứ do bà **H1** xuất trình là 01 Giấy mượn tiền ngày 19/10/2024 có nội dung:

“Tôi tên là: **Nguyễn Thị Ngọc H**, Sinh năm: 1974;

CCCD số: 08017401265

Ngày cấp: 26/4/2022, tại: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Thường trú tại: **H N, phường D, TP T, Long An**

Có mượn của bà: **Nguyễn Thị Thu T** Sinh năm: 1970

CCCD số: 080170001579, Ngày cấp: 07/4/2021, tại: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Thường trú tại: **E N, phường D, TP T, Long An.**

Số tiền là : 500.000.000 đồng (Năm Trăm triệu đồng), Thời hạn mượn: 30 ngày

Thời gian trả: 19/11/2024”.

Nội dung biên nhận thể hiện bà Nguyễn Thị Ngọc H có vay bà Nguyễn Thị Thu T số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày. Bà Nguyễn Thị Ngọc H ký tên người mượn cuối biên nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị Ngọc H, nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (về nghĩa vụ chứng minh) quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Do đó, căn cứ vào biên nhận có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H trả 500.000.000 đồng tiền là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000đ do phải trả nợ.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, Long An là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 126, 136, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền vốn vay là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

2. Về án phí

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

H2 cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 12.000.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án số 0000049 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Tây Ninh).

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV1;
- PTHADS KV1;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 10 năm 2023.

Tại: Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu T3**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị T4

2. Bà Lê Thị Đ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 342/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1972

Địa chỉ: số B ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: ông Trần Thanh T6, sinh năm 1965

Địa chỉ: số B ấp N, xã N, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Trần Thị Diễm T7, sinh năm 1987; địa chỉ: số B ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An đại diện theo giấy ủy quyền ngày 22/6/2016.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

3.1. Bà Trần Thị O, sinh năm 1962

Địa chỉ: số B ấp N, xã N, thành phố T tỉnh Long An

3.2. Bà Trần Thị Á, sinh năm 1957

Địa chỉ: số B ấp N, xã N, thành phố T tỉnh Long An

3.3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1972

Địa chỉ: số A N, xã N, thành phố T tỉnh Long An

3.4. Ông Đinh Hữu R, sinh năm 1956

Địa chỉ: 8 C, Phường E, thành phố T tỉnh Long An

3.5. Ông Đinh Nam L1, sinh năm 1986

Địa chỉ: 8 C, Phường E, thành phố T tỉnh Long An

3.6. Bà Nguyễn Thị Thiên K, sinh năm 1989

Địa chỉ: số C ấp B, B, huyện C, Tỉnh long A.

3.7. UBND thành phố T, tỉnh Long An

Địa chỉ: số 76 Hùng Vương, Phường 2, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện hợp pháp của UBND Thành phố T: ông Võ Hồng T8; chức vụ: Quyền Chủ tịch đại diện theo pháp luật.

3.8. Bà Huỳnh Thị T9, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số B ấp N, xã N, tỉnh Tây Ninh

3.9. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1970

Địa chỉ: số E ấp N, xã N, tỉnh Tây Ninh

3.10. Bà Nguyễn Thị Thu T10, sinh năm 1992

Địa chỉ: số E ấp N, xã N, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 136, 138, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 141, 146, 705, 707 Bộ luật Dân sự năm 1995;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T5, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Trần Văn H3 và ông Nguyễn Văn T5 lập ngày 18/3/2002 vô hiệu.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T5, buộc ông Trần Thanh T6 có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 5.000.000đ và bồi thường số tiền 87.255.000đ, tổng cộng 92.255.000đ (chín mươi hai triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T5 về việc yêu cầu ông Trần Thanh T6 bồi thường số tiền 87.255.000đ (tám mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3.

4. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Trần Thanh T6 về việc về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị T11 đối với thửa 293; TĐĐ số 03, địa chỉ ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An và xác định một phần quyền sử dụng đất tại thửa 293; TĐĐ số 03, địa chỉ ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh T12.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

5.1. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T5 phải chịu án phí 4.662.000đ. Chuyển 2.500.000đ tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T5 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000898 ngày 02/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An thành án phí. Như vậy, ông Nguyễn Văn T5 tiếp tục nộp 2.162.000đ (hai triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Ông Trần Thanh T6 phải chịu án phí là 4.612.000đ. Chuyển 300.000đ tạm ứng án phí ông Trần Thanh T6 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002193 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An thành án phí. Như vậy, ông Trần Thanh T6 tiếp tục nộp 4.312.000đ (bốn triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng).

5.2. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T5 phải nộp 8.750.000đ (đã nộp xong). Ông Trần Thanh T6 phải nộp 8.750.000đ. Do ông Nguyễn Văn T5 đã tạm nộp nên ông Trần Thanh T6 phải nộp 8.750.000đ để hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T5.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

7.1: Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

7.2: Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3.

8. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 45 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hải – Nguyễn Thị Tĩnh

Đoàn Thị Thu Thảo